

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 76/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 12 - 2017.

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hồng Chinh

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Lợi

2. Ông Nguyễn Chí Bền

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 18 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện R xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 363/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Cẩm Đ, sinh năm 1977 (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Cao Văn Đ, sinh năm 1973 (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Em Cao Huỳnh N, sinh năm 1996 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn, chị Nguyễn Cẩm Đ trình bày:

Chị và anh Cao Văn Đ tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau từ khoảng năm 1994, không có đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng kể từ khi sinh con vào năm 1996 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gia đình. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh Đ ngoại tình với người phụ nữ khác, không còn yêu thương chị nữa và chị cũng không còn tình cảm với anh Đ nữa. Do đó, chị yêu cầu ly hôn với anh.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có được 01 con chung là Cao Huỳnh N - sinh năm 1996, hiện con đã trưởng thành và đang sống với gia đình. Do đó, yêu cầu Tòa án xem xét nguyện vọng của con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 28/11/2017, bị đơn anh Cao Văn Đ trình bày:

Anh và chị Nguyễn Cẩm Đ tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau từ khoảng năm 1994 - 1995, không có đăng ký kết hôn.

Kể từ khi sống chung vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn mà chỉ có những mâu thuẫn nhỏ nhất trong sinh hoạt gia đình. Trường hợp, chị Đ yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có được 01 con chung là Cao Huỳnh N - sinh năm 1996, hiện con đã trưởng thành và đang sống với gia đình. Do con đã trưởng thành có quyền tự quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15/11/2017 và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bị đơn em Cao Huỳnh N trình bày:

Em là con của anh Cao Văn Đ và chị Nguyễn Cẩm Đ, hiện em đang sống gia đình.

Đối với vụ việc ly hôn của cha mẹ, ý kiến em như sau:

- Về hôn nhân: Không có ý kiến gì, tùy theo pháp luật giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu hoặc đề nghị gì.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Cẩm Đ giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Cao Văn Đ.

Em Cao Huỳnh N không có yêu cầu hoặc đề nghị gì lên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của cha mẹ đối với em.

Anh Cao Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xét hỏi, tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn, anh Cao Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ nhất nhưng anh Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Cẩm Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Cao Văn Đ nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Bị đơn có nơi cư trú tại ấp C, xã T, huyện R, tỉnh Kiên Giang nên căn vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện R.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Cẩm Đ yêu cầu được ly hôn với anh Cao Văn Đ và trên cơ sở tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng với lời trình bày của các đương sự đã xác định Chị Nguyễn Cẩm Đ và anh Cao Văn Đ sống chung như vợ chồng khoảng năm 1995 - 1996 nhưng đến nay anh chị không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Tòa án không công nhận quan hệ giữa chị Đ và anh Đ là vợ chồng.

Về con chung: Do em Cao Huỳnh N đã trưởng thành và không có yêu cầu hoặc đề nghị gì liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ đối với em nên Tòa án không xem xét.

Về tài sản chung : Chị Đ và anh Đ đều không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về nợ chung: Chị Đ và anh Đ đều không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Nguyễn Cẩm Đ phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Cẩm Đ đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008330, ngày 08 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R. Chị Đ đã nộp đủ án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Cẩm Đ và anh Cao Văn Đ là vợ chồng.

[2] Về con chung: Con chung của chị Đ và anh Đ đã trưởng thành và không có yêu cầu hoặc đề nghị gì nên Tòa án không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ và anh Đ đều không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị Nguyễn Cẩm Đ phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008330, ngày 08 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R. Chị Đ đã nộp đủ án phí theo quy định.

Báo cho chị Đ, em N được biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 18/12/2017. Anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

* Nơi nhận:

- VKSND huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- UBND xã Long Thạnh;
- Lưu.

Lê Văn Hồng Chinh